

MỘT SỐ LỖI CHUYỂN DI KHI SỬ DỤNG KIỂU CÂU SO SÁNH TRONG TIẾNG VIỆT CỦA SINH VIÊN TRUNG QUỐC

SOME TRANSFERENCE ERRORS OF CHINESE STUDENTS IN USING
VIETNAMESE COMPARATIVE SENTENCES

ĐÀO THỊ VÂN

(PGS.TS; Đại học Sư phạm, ĐH Thái Nguyên)

DIỆP THÀNH KHIẾT

(ThS; Đại học Sư phạm, ĐH Thái Nguyên)

Abstract: In this paper, we mention three types, including the errors of the wrong position of comparative words, the error of using comparative words and the error of using comparative objects which are not suitable with Vietnamese culture and speaking habits.

Key words: Vietnamese language; Chinese language; comparative sentences; transference.

1. Đặt vấn đề

1.1. Khi học ngoại ngữ (L2), người học thường mắc lỗi khá đa dạng, như mắc lỗi phát âm, mắc lỗi dùng từ hay đặt câu,... Có nhiều nguyên nhân khiến người học mắc lỗi sử dụng L2, song lỗi do chuyển di từ ngôn ngữ thứ nhất (L1 - ngôn ngữ mà người học đã thông thạo và thường xuyên sử dụng để giao tiếp) là một trong những nguyên nhân quan trọng.

Chuyển di ngôn ngữ là hiện tượng người học sử dụng những hiểu biết nền tảng về L1 để áp dụng vào việc nói, viết L2. Chuyển di ngôn ngữ có thể theo hướng tích cực và cũng có thể theo hướng tiêu cực: Nếu L1 và L2 càng có nhiều nét tương đồng thì người học càng dễ tiếp cận L2 bởi việc chuyển di được chấp nhận ở L2. Đó là hiện tượng chuyển di tích cực và người học sẽ ít mắc lỗi khi sử dụng L2. Ngược lại, nếu L1 và L2 có sự khác biệt thì việc chuyển di thường gây ra lỗi vì việc chuyển di đó không được chấp nhận ở L2. Đây là sự chuyển di tiêu cực.

Bài viết này bàn đến một số kiểu lỗi viết câu so sánh tiếng Việt của sinh viên Học viện Văn Sơn, Văn Nam, Trung Quốc do chuyển di tiêu cực từ L1 (tiếng Hán) sang L2 (tiếng Việt).

1.2. Cũng như các ngôn ngữ khác, tiếng Việt và tiếng Hán đều sử dụng kiểu câu so

sánh để chỉ ra sự tương đồng hay khác biệt giữa các sự vật, hiện tượng cần đối chiếu.

Nhìn một cách khái quát, câu so sánh trong tiếng Việt và trong tiếng Hán có nhiều điểm đồng nhất, song về chi tiết chúng vẫn có những sự khác biệt, như: khác nhau về vị trí các thành tố trong cấu trúc so sánh, khác nhau về ngữ nghĩa của từ so sánh hay cách lựa chọn đối tượng so sánh,... Chính sự khác nhau này là một trong những nguyên nhân dẫn đến lỗi viết câu so sánh tiếng Việt của người Trung Quốc nói chung, của sinh viên Học viện Văn Sơn, Văn Nam Trung Quốc nói riêng (SV). Đây chính là kiểu lỗi chuyển di tiêu cực từ L1 như đã nói ở trên.

2. Khảo sát cụ thể

Theo điều tra bước đầu của chúng tôi, có ba kiểu lỗi về câu so sánh tiếng Việt mà SV thường mắc do chuyển di từ L1, đó là: 1/Câu so sánh dùng sai vị trí các thành tố trong cấu trúc; 2/Câu so sánh mắc lỗi về dùng từ so sánh; 3/Câu so sánh mắc lỗi sử dụng đối tượng so sánh (không phù hợp văn hóa hay cách nói của người Việt).

2.1. Câu so sánh mắc lỗi do đặt sai vị trí của một hoặc một số thành tố trong cấu trúc so sánh

Đây là kiểu lỗi mà người viết đã đặt một hoặc một số thành tố trong cấu trúc so sánh không đúng vị trí thông thường theo cách nói

của người Việt khiến cho câu trở nên vô nghĩa hoặc mơ hồ về nghĩa.

Ở dạng đầy đủ nhất, câu so sánh trong tiếng Việt và trong tiếng Hán đều được cấu tạo bởi 4 thành tố, đó là: *đối tượng được so sánh* - cái được so sánh (A), *phương diện so sánh* (t), *từ so sánh* (tss) và *đối tượng so sánh* - cái so sánh (B). Tư liệu điều tra của chúng tôi cho thấy, câu so sánh tiếng Việt mắc lỗi kiểu này thường do người viết đã đặt sai vị trí thành tố chỉ phương diện so sánh (t) trong câu trúc so sánh. Dưới đây là những kiểu câu so sánh trong tiếng Việt mà SVHVVS thường mắc lỗi đặt sai vị trí thành tố chỉ phương diện so sánh:

(I) *Kiểu câu so sánh đồng nhất*: Câu so sánh đồng nhất là kiểu câu so sánh giữa những sự vật, hiện tượng có các đặc điểm, thuộc tính giống nhau. Kiểu câu này trong tiếng Việt có nhiều loại nhưng thường có mô hình khái quát là: $A + t + tss + B$ hay $A + \text{kết từ (kt)} + B + t + tss$; còn trong tiếng Hán, kiểu câu này lại thường có mô hình là: $A + tss + B + t$ hoặc $A + \text{跟 (kt)} + B + tss + t$. Ví dụ 1: so sánh:

1a. V: Thương Hải ấm hơn Bắc Kinh.

A t tss B

H: 上海比北京暖和.

A tss B t

1b. V: Anh ta đến muộn hơn tôi

A t tss B

H: 他没有我来得早.

A tss B t

Ví dụ 2:

2a. V: Chiếc xe này mới như chiếc xe kia.

A t tss B

H: 这辆汽车跟那辆汽车一样新

A kt B tss t

2.b. V:

Căn nhà này và căn nhà kia to bằng nhau.

A gt B t ss

H: 这间屋子跟那间屋子一样大

A kt B tss t

Nhìn vào mô hình cấu trúc so sánh trong hai ngôn ngữ và các ví dụ minh họa dẫn trên có thể dễ dàng nhận thấy sự khác biệt giữa chúng là ở vị trí của thành tố *t*. Trong tiếng Hán, thành tố chỉ phương diện so sánh (t) đứng sau từ so sánh (tss) và từ chỉ đối tượng so sánh (B); còn trong tiếng Việt, thành tố *t* lại đứng trước từ ngữ so sánh và từ ngữ chỉ đối tượng so sánh.

Theo thói quen sử dụng L1, người Trung Quốc thường chuyển di máy móc cấu trúc so sánh này của tiếng Hán sang cấu trúc so sánh của tiếng Việt có nghĩa tương đương và do đó dẫn đến lỗi.

Dưới đây là một số câu so sánh tiếng Việt mắc lỗi đặt sai vị trí thành tố *t* mà chúng tôi đã thống kê được từ sinh viên Trung Quốc học chuyên ngành Tiếng Việt ở Học viện Văn Sơn, Văn Nam, Trung Quốc. Ví dụ 3:

3a. Anh ấy hơn tôi cao. (Trương Siêu, K10) → Lỗi chuyển di từ: 他比我高 [A+tss+B+t].

3b. Anh ấy hơn tôi làm giỏi. (Dương Khang, K9) → Lỗi chuyển di từ: 他比我做得好 [A+tss+B+t].

3c. Cuốn sách này và cuốn sách kia như nhau dày → Lỗi chuyển di từ: 这本书跟那本书一样厚 [A+kt+B+tss+t].

Các ví dụ vừa dẫn cho thấy, người viết đã dùng bất thường vị trí của từ chỉ phương diện so sánh (t) trong câu trúc so sánh của tiếng Việt nhưng lại đồng nhất mô hình cấu trúc so sánh bình thường của tiếng Hán, đó là: $A + tss + B + t / A + kt + B + tss + t$. Nói cách khác, các câu so sánh tiếng Việt mắc lỗi mà sinh viên Trung Quốc viết ở đây là do chuyển di từ cấu trúc của câu so sánh đồng nghĩa trong tiếng Hán.

Các câu so sánh tiếng Việt mắc lỗi trong ví dụ 3 xét về ngữ nghĩa có hai loại: *kiểu so sánh hơn* (câu 3a,b) và *kiểu so sánh tương tự* (câu 3c). Đối với câu 3a,b (kiểu câu so sánh hơn) nếu muốn trở thành câu đúng thì phải chuyển thành tố *t* lên trước thành tố *tss* và

thành tố B theo mô hình $A + t + tss + B$ hoặc chuyển B lên trước A và tss nhưng trước B phải có kết từ và sau B phải có dấu phẩy, đồng thời thành tố t vẫn phải đứng trước tss theo mô hình: $kt + B + A + t + tss$.

Đối với câu 3c - kiểu câu so sánh tương tự, chữa lỗi câu này chỉ cần chuyển thành tố t lên trước thành tố tss và thành tố B cho phù hợp với mô hình cấu trúc so sánh của tiếng Việt.

(ii) *Kiểu câu so sánh dị biệt hơn tuyệt đối dùng sai vị trí thành tố t*

Ngoài kiểu câu so sánh đồng nhất mắc lỗi đặt sai vị trí thành tố t, còn có kiểu câu so sánh dị biệt tuyệt đối cũng thường bị SVHVVS viết mắc lỗi đặt sai vị trí thành tố t do chuyển đi từ tiếng Hán. Ví dụ 4:

4.a. *Tôi nhất thích bơi.* (Dương Bình, K49) → Lỗi chuyển đi từ: 我最喜欢游泳 [tss+t].

4.b. *Trong lớp ta, bạn Hoa nhất xinh.* (Tiểu Mai, K9) → Lỗi chuyển đi từ: 我们班, 阿花最漂亮 [tss+t].

Hai câu mắc lỗi ở ví dụ 4 là do chuyển đi từ kiểu câu so sánh dị biệt hơn tuyệt đối trong tiếng Hán có dùng từ so sánh 最 để diễn đạt. Với kiểu câu so sánh này, thành tố tss (最) bao giờ cũng đứng trước thành tố t.

Có thể nói, do không nắm được cấu trúc so sánh của tiếng Việt, SVHVVS đã chuyển đi một số cấu trúc so sánh của tiếng Hán sang tiếng Việt dẫn đến lỗi như đã phân tích. Đây là một kiểu lỗi khá điển hình mà người Trung Quốc thường mắc khi nói/viết câu so sánh tiếng Việt. Kéo theo lỗi dùng sai vị trí thành tố chỉ phương diện so sánh (t) trong cấu trúc so sánh là lỗi dùng thành tố tss và thành tố B không theo mô hình chung của cấu trúc so sánh tiếng Việt.

2.2. *Câu so sánh mắc lỗi dùng từ so sánh (tss)*

Câu so sánh mắc lỗi về từ so sánh mà SVHVVS viết thường là câu sử dụng nhóm từ so sánh đồng nghĩa/gần nghĩa không đúng hoặc dùng thừa từ so sánh.

Tiếng Việt và tiếng Hán giống nhau ở chỗ là đều có một hệ thống từ so sánh chuyên dụng để diễn đạt ý nghĩa so sánh. Về cơ bản, ngữ nghĩa và cách dùng của nhóm từ này trong hai ngôn ngữ giống nhau. Tuy nhiên, chúng cũng có một vài nét khác biệt.

Thứ nhất, trong tiếng Hán có những từ so sánh đa nghĩa, tương đương với một số từ so sánh của tiếng Việt. Chẳng hạn, từ 一样 trong tiếng Hán mang ý nghĩa tương ứng với các từ so sánh: tương tự, giống nhau hoặc bằng nhau trong tiếng Việt. Ví dụ 5:

5a. 我和你一样, 都生活在越南 (Tôi và bạn giống nhau, đều đang sống ở Việt Nam).

5b. 他说汉语说得跟中国人一样. (Anh ấy nói tiếng Hán giống như người Trung Quốc).

5c. 阿河和阿玲一样重 (Hà và Linh nặng bằng nhau).

5d. 我的身高和你的一样 (Chiều cao của tôi bằng chiều cao của bạn).

Từ 一样 trong ví dụ 5a,b biểu thị ý nghĩa tương tự, giống nhau, còn trong ví dụ 5c,d biểu thị ý nghĩa bằng nhau.

Thứ hai, một số cặp từ so sánh trong tiếng Hán có từ ngữ chỉ đối tượng so sánh xen vào giữa. Ví dụ 6:

6a. 我像她一样喜欢画画 (Tôi thích vẽ tss B tss

giống cô ấy)

6b. 脸蛋 苹果一样圆 (Mặt tròn như tss B tss

quả táo)

Chính những sự khác nhau này là một trong những nguyên nhân gây lỗi sử dụng hệ thống từ so sánh trong tiếng Việt của người Trung Quốc. Sự khác biệt thứ nhất thường dẫn đến lỗi sử dụng nhóm từ so sánh đồng nghĩa; sự khác biệt thứ hai thường dẫn đến lỗi dùng thừa từ so sánh.

Thứ ba, lỗi sử dụng nhóm từ so sánh đồng nghĩa, gần nghĩa: Chúng tôi đã thống kê được 26/100 em SVHVVS mắc lỗi dùng từ so sánh

trong tiếng Việt do không phân biệt được một số từ so sánh đồng nghĩa/gần nghĩa. Ví dụ 7:

7a. *Tôi và bạn ấy bằng nhau đều thích học tiếng Việt.* (Đường Minh Cúc, K9).

7b. *Căn nhà này và căn nhà kia giống nhau to.* (La Quang Lan, K9).

7c. *Bạn ấy và mẹ bạn ấy trông như nhau.* (Lý Hùng, k9).

Ngoài lỗi dùng sai vị trí của thành tố *t* trong cấu trúc so sánh, các câu trong ví dụ 7 còn mắc lỗi dùng từ so sánh do người viết không phân biệt được các từ đồng nghĩa *như nhau, giống nhau, bằng nhau* trong tiếng Việt. Tương ứng với cấu trúc so sánh *A + t + như/giống/bằng + B* trong tiếng Việt, trong tiếng Hán có các cấu trúc, như: 跟...一样; 像...一样. Các từ *như nhau, giống, giống nhau, bằng nhau* trong tiếng Việt chỉ tương đương với một từ trong tiếng Hán là từ 一样 như nói ở trên. Người Trung Quốc thường không phân biệt được những từ đồng nghĩa này dẫn đến nhầm lẫn khi dùng chúng.

Thứ tư, lỗi dùng thừa từ so sánh: Trong tiếng Hán có những từ so sánh đồng nghĩa hoặc gần nghĩa luôn đi với nhau thành cặp để diễn đạt ý nghĩa so sánh, kiểu như: 像...一样; 跟...一样, v.v. Các từ so sánh trong những cặp từ này đều có nghĩa là *giống, như, giống như hoặc như nhau hay bằng nhau*. Như vậy, tiếng Hán chấp nhận trong một câu tồn tại hai từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa; còn trong tiếng Việt lại không chấp nhận sự dư thừa này. Vì vậy, khi người Trung Quốc dịch máy móc câu trúc so sánh có cặp từ so sánh đồng nghĩa nói trên sang tiếng Việt thường bị mắc lỗi thừa từ. Ví dụ 8:

8a. *Trường của chúng tôi giống trường của các bạn như nhau to.* (Dương Kiều, k9) → Lỗi chuyển di từ: 我们学校像你们学校一样大.

8b. *Tôi giống anh ấy như nhau so răn* (Mã Ngọc Bích, K9). → Lỗi chuyển di từ: 我跟他一样怕蛇.

8c. *Quả núi này giống quả núi quê tôi như nhau đẹp.* (Trương Mẫn, K9) → Lỗi chuyển di từ: 这座山像我故乡的山一样漂亮.

Ngoài lỗi dùng thừa từ so sánh, các câu trong ví dụ 8 còn mắc lỗi đặt sai vị trí của từ chỉ phương diện so sánh.

3. *Câu so sánh mắc lỗi dùng thành tố chỉ đối tượng so sánh (B)*

Có thể nói, đối với kiểu so sánh tu từ, việc lựa chọn đối tượng so sánh lệ thuộc vào ý định chủ quan và cái tài sử dụng ngôn ngữ của người nói/viết. Điều đó cũng có nghĩa là việc lựa chọn đối tượng so sánh là một công việc khá tự do đối với người sử dụng cấu trúc so sánh. Song cũng cần phải nói ngay rằng, mặc dù có những tự do nhất định trong việc lựa chọn đối tượng so sánh nhưng không vì thế mà người sử dụng ngôn ngữ không có chút ràng buộc nào.

Việc lựa chọn đối tượng so sánh trước hết phụ thuộc vào nền văn hóa của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ; thứ nữa là phụ thuộc vào thói quen của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ. Không tuân thủ những điều này, người nói/viết dễ bị mắc lỗi. Dưới đây là một số kiểu lỗi sử dụng thành tố chỉ đối tượng so sánh trong câu so sánh tiếng Việt của SVHVVS:

(i) *Đối tượng so sánh dùng không phù hợp với văn hóa của người Việt*

Như đã phân tích ở trên, câu so sánh trong tiếng Việt và tiếng Hán có những chi tiết khác nhau. Sự khác nhau này không chỉ về phương diện cấu trúc mà còn ở cả phương diện nghĩa.

Chẳng hạn, cùng miêu tả cái xấu về ngoại hình của một phụ nữ, người Việt có thể nói người đó (A) "*xấu như ma*", "*xấu như Thị Nở*",...song người Hán lại chỉ dùng được cách nói thứ nhất, bởi vì nhân vật Thị Nở không có trong tiềm thức của người Trung Quốc. Nói cách khác, người Trung Quốc chưa có tri thức nền về Thị Nở nên không thể chọn Thị Nở làm đối tượng so sánh.

Cũng phải nói thêm rằng, khi viết câu so sánh tiếng Việt, việc không chọn đối tượng nào đó làm đối tượng so sánh do thiếu tri thức

nền không phải là lỗi nhưng nếu lựa chọn đối tượng so sánh không phù hợp văn hóa của người Việt sẽ là câu mắc lỗi. Ví dụ 9:

Bố em khỏe như trâu. (Vi Xuân Tiêu, K9).

Người Việt có thể ví ai đó (A) “khỏe như trâu” nhưng không ví những bậc tôn kính, bề trên của mình với con trâu, bởi theo ý thức của người Việt, đó là loài vật có thân phận thấp hèn. Ngược lại, người Trung Quốc có thể so sánh như vậy với mọi đối tượng vì khi nói đến loài trâu bò, họ thường chỉ nghiêng về ý nghĩ đó là những loài động vật có sức khỏe, và ai đó khỏe mạnh thì được ví như chúng. Lỗi chọn đối tượng so sánh như câu trong ví dụ 9 là lỗi chuyển di ngôn ngữ - văn hóa.

(ii) Lỗi sử dụng đối tượng so sánh không phù hợp cách nói của người Việt. Ví dụ 10:

10a. *Cô ấy lùn như con quay* (con cù) → Lỗi chuyển di từ: 她像陀螺一样矮.

10b. *Cay như kim châm*. → Lỗi chuyển di từ: 辣如针刺.

10c. *Im như núi*. → Lỗi chuyển di từ: 沉默如山.

10d. *Cô giáo như cây nến*. → Lỗi chuyển di từ: 老师像蜡烛.

10e. *Cô ấy mặt tròn như quả táo*. → Lỗi chuyển di từ: 她的脸像苹果一样圆.

Việc chọn đối tượng so sánh không quen thuộc với cách nói của người Việt như vừa dẫn thực ra không hẳn là lỗi nhưng cũng ít nhiều làm cho người nghe/đọc cảm thấy sự bất thường trong cách nói. Vì thế, chúng tôi tạm cho cách dùng đối tượng so sánh không giống cách nói của người Việt này cũng là một kiểu lỗi.

3. Kết luận

Câu so sánh là một kiểu câu được dùng quen thuộc trong các ngôn ngữ nói chung cũng như trong tiếng Việt và tiếng Hán nói riêng.

Câu so sánh trong tiếng Việt và tiếng Hán có nhiều điểm đồng nhất, song cũng có không ít những điểm khác biệt, như: khác biệt về vị trí của các thành tố trong cấu trúc so sánh; khác biệt về phương thức so sánh, cách dùng hệ thống từ so sánh chuyên dụng hay khác biệt về cách lựa chọn, sử dụng đối tượng so sánh, v.v.

Chính những điểm khác biệt giữa câu so sánh trong hai thứ tiếng nói trên là một trong những nguyên nhân dẫn đến lỗi sử dụng kiểu câu so sánh tiếng Việt của người Trung Quốc nói chung, của sinh viên Học viện Văn Sơn nói riêng. Đứng từ góc nhìn của chiến lược học tập/tri nhận, đây là kiểu lỗi chuyển di từ L1.

Câu so sánh tiếng Việt mà SVHVSS viết mắc lỗi do chuyển di từ L1 có nhiều kiểu. Bài viết này chỉ bàn đến ba kiểu câu so sánh tiếng Việt mắc lỗi, đó là: câu so sánh mắc lỗi đặt sai vị trí của từ chỉ phương diện so sánh, câu so sánh mắc lỗi dùng từ so sánh và câu so sánh mắc lỗi sử dụng đối tượng so sánh không phù hợp với văn hóa hay cách nói của người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Lê Xảo Bình (2004), *Lỗi của người Trung Quốc học tiếng Việt nhìn từ góc độ xuyên văn hóa*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn.
2. Đỗ Minh Hùng (2007), *Lỗi ngữ pháp tiếng Anh thường gặp của người Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn.
3. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Diệp Thành Khiết (2013), *Đối chiếu cấu trúc so sánh trong tiếng Việt và tiếng Hán*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ.
5. Nguyễn Thế Lịch (2001), *Cấu trúc so sánh trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 7.
6. Hoàng Phê (chủ biên) (2001), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng.
7. Cù Đình Tú (2001), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.